TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 24/2021/QĐST- HNGĐ

Bỉm Sơn, ngày 07tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị NguyễnThị Hồng N- sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Đ , xã N , thành phố N, tỉnh N

Bị đơn: Anh Vũ Tuấn H- sinh năm 1994

Địa chỉ: khu phố 5, phường B , thị xã B, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147, Điều 482 và Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thương vụ quốc hội 14 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn ThịHồng N và anh VũTuấn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn ThịHồng N và anh Vũ Tuấn Hthuận tình ly hôn.

2/ Về phần con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Vũ Trung H (nam), sinh 15/9/2017. Hai bên thống nhất giao cháu Hcho chị Nguyễn Thị Hồng Ntrực tiếp nuôi dưỡng. Hằng tháng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu Hđủ tuổi thành niên(18 tuổi) và có khả năng lao động

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, nếu anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của chị N thì người trực tiếp nuôi con là chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên được quyền làm đơn thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Anh Vũ Tuấn H phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ, tổng cả hai khoản án phí anh H là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thống nhất chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0007184 ngày 24/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần án phí cho anh H và chị N Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, các điều 7, 7a Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (đk 2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương